

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 6 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tâm
2. Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020** và Quyết định hoãn phiên tòa số **34/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tăng Văn L

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày: Bà và ông Tăng Văn L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 11/3/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà ghen tuông vô cớ và có hành vi đánh bà nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bà đã nhiều lần tìm

cách hàn gắn nhưng không được. Do đó, từ năm 2019, ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Tăng Ngọc T (giới tính: Nữ) sinh ngày 05/8/2013. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tăng Văn L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Lê Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tăng Văn L và yêu cầu được nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Tăng Văn L cư trú tại khu vực 6, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn ông Tăng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Kim N và ông Tăng Văn L đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2015. Do đó, hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp. Bà N yêu cầu ly hôn với ông L là do ông L ghen tuông vô cớ và có hành vi đánh bà nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bà N có tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không được. Vì vậy, bà N cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông L vẫn bỏ mặc và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của ông L đối với bà N cũng không còn, ông L cũng không muốn hàn gắn lại. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích

trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N ly hôn với ông L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Tăng Ngọc T (giới tính: Nữ) sinh ngày 05/8/2013. Trong thời gian ông L và bà N ly thân, cháu T sống chung với bà N, được bà N và gia đình chăm sóc chu đáo, được đi học và phát triển tốt. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu T cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu T và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do bà N chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N trình bày không có và cũng không yêu cầu, ông L chưa có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Tăng Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Tăng Ngọc T (giới tính: Nữ) sinh ngày 05/8/2013 cho bà Lê Thị Kim N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tăng Văn L chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị Kim N chưa yêu cầu. Ông Tăng Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000

đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0003031 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà N không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường B, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Kim Ngọc

Ngô Văn Tâm

Huỳnh Xuân Tình

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường V, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường III, thành phố Vị Thanh;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình